



yě tù
野兔

noun · hare, wild rabbit

Example Sentences

Yě tù pǎo de hěn kuài
野兔跑得很快。

The hare runs very fast.

Tián yě lǐ yǒu yī zhī yě tù zài chī cǎo
田野里有一只野兔在吃草。

There is a hare eating grass in the field.

Yě tù de máo sè néng bāng zhù tā zài cǎo cóng zhōng yǐn cáng
野兔的毛色能帮助它在草丛中隐藏。

The hare's fur color helps it hide in the grass.

Trace each character, then write the word on your own.

野	野	野	野	野	野	野	野	野	野	野
野	野	野								
兔	兔	兔	兔	兔	兔	兔	兔	兔	兔	兔